

THẦN HỌC LUÂN LÝ CỦA THÁNH AN-PHONG ĐỆ LIGÔRIA

Dịch thuật : Lm Dominic Trần Quốc Bảo, DCCT

(tiếp theo kỳ trước)

“ĐÁM DÂN NGHÈO KHỐN”

“Sự nguy hại vô tận của tội lỗi” đã và còn là đề tài huấn đức và suy niệm thiêng liêng. Nó không có chỗ đứng trong tác vụ của toà giải tội, dù chỉ một giây. André Malreaux mở đầu cuốn *Phản Ký ỨC* với lời kể sau:

Năm 1940, tôi đã đào thoát với cha tuyên úy tại Vercors. Ít lâu sau, chúng tôi tái ngộ tại một thành phố nhỏ ở Drôme, nơi ngài làm cha sở họ đạo... Ngài chưa từng bao giờ đến Balé, sau khi hoàn tất học trình tại chủng viện Lyons. Chúng tôi trò chuyện thật lâu trong đêm, như những thân hữu thường làm khi tái ngộ, trong hương vị thân quen của làng quê.

-Cha đã thi hành sứ vụ giải tội bao nhiêu lâu rồi?

-Khoảng 15 năm.

-Việc cáo giải nói với cha như thế nào về con người?

-Ồ, anh biết đó, việc ấy chẳng nghĩa lý gì, vì khi một linh mục bước vào toà cáo giải, ngài biến thành một người khác – ơn phúc và các sự như thế. Nhưng...trước hết, thiên hạ bất hạnh hơn ta nghĩ...và rồi...

*Ông giơ đôi tay lực lưỡng như tiều phu của mình lên trong bóng đêm đầy sao : “và rồi, sự kiện căn bản là **chẳng có cái gì gọi là người trưởng thành...**”¹*

Câu nhấn mạnh là do Malreaux. Ông ta tin rằng câu đó mang đầy sự thật về nhân loại nên ông để cho câu ấy định đoạt giọng điệu trong tác phẩm của mình.

Khi ngài còn là một chàng hiệp sĩ trẻ, An-phong đã tự dân thân làm việc bác ái trong các hiệp hội chăm lo cho tù nhân, cho các bệnh nhân giang mai ở nhà thương nan y, các tử tội và gia đình bơ vơ của họ. Đó là những con người khốn

¹ *Phản Hồi ký*, bản dịch của Trence KILMARTIN, New York, Chicago và San Francisco 1968.

cùng, nhưng không xấu xa. Ngài cảm thấy rằng, vì Chúa Kitô đã đến cứu vớt các con chiên lạc, ngài cũng phải ôm ấp tất cả những người ấy.

Bắt đầu từ tháng Giêng năm 1728, toà giải tội của An-phong đầy ứ các hồi nhân từ mọi giai tầng xã hội –nghĩa là, không ai hơn người khác. Ngài rời bỏ Nêapôli vào tháng 11 năm 1732 để chăm lo cho những người bị bỏ rơi tại thôn quê. Như ngài đã đệ trình Đức giáo hoàng Bênêđictô XIV rằng chính nhằm mục đích “giúp đỡ các đám dân chúng nghèo hèn này” mà ngài thành lập Dòng Chúa Cứu Thế. Rồi nhằm làm cho các tu sĩ Dòng này trở thành những cha giải tội tốt mà ngài đã viết bộ *Thần học Luân lý (Theologia Moralis)*.

Qua sự tiếp cận với dân nghèo và những người đau khổ, An-phong phản tỉnh rằng chủ nghĩa hà khắc là một sự phản bội Phúc âm. Chủ nghĩa đó dành riêng cho các thần học gia, các người sang giàu, các vị chiêm tu dày dặn, nếu có. Như vậy sự tiếp xúc và tình yêu cho người bình dân đã dạy cho ngài về thần học luân lý. Kế hoạch mục vụ cứng nhắc của chủ nghĩa hà khắc khiến tâm tư ngài trăn trở, vì nó xô đẩy vào chôn tuyệt vọng vĩnh viễn những con người đã khốn cùng trên đời. Ngài biết rõ những người này hơn ai hết, vì ngài gần gũi và áp ủ họ trong tim như người mẹ ôm ấp con mình. Đây là những người Chúa Giêsu đã đến thăm, Chúa Giêsu mà An-phong muốn bắt chước.

Như chúng ta sẽ thấy, điều ý nghĩa trong tác phẩm luân lý đầu tay của An-phong là: ngài phủ nhận tính tội lỗi của những dân quê trong việc nguyên rủa người chết. Như ngài cắt nghĩa, “họ không biết họ nói gì”. Lời này chẳng phải là lời đáng kinh ngạc nhất trong các lời Chúa Giêsu đã nói sao? Và Chúa đã dạy chúng ta điều ấy từ tận cùng của sự khốn khổ Ngài đã gánh chịu bởi sự tàn ác của con người.

Những người nghèo khốn là những thầy giáo tốt nhất cho nhà luân lý bao dung; và là hy vọng cho kẻ tuyệt vọng. An-phong dâng hiến chính mình cho họ để khẳng định rằng ơn cứu rỗi không chỉ được tiền định cho các kẻ vị vọng. Và, điều ngài đã học hỏi từ kinh nghiệm đó chuẩn nhận niềm xác tín của ngài rằng “Thiên chúa...mong muốn mọi người được cứu độ” (1Tim. 2:4). Những người nghèo hèn ấy cũng là những thầy dạy của nhà luân lý về sự thánh thiện. Trong các buổi cầu nguyện ban tối (*cappelle serotine*)² tại khu xóm Nêapôli, ngài thán phục tình cảm trìu mến, sự sốt sắng, và lòng đại độ được biểu lộ cách tự nhiên trong tâm hồn những người nghèo, khi họ nghe rao giảng Tin mừng Phúc âm.

“30 NĂM KINH NGHIỆM”

Như chúng ta sẽ thấy, An-phong đã mài bút viết nên tác phẩm luân lý đầu tiên của ngài để các vị thừa sai giảng dạy cho người nghèo. Ta cũng đừng quên

² Liên quan đến các buổi cầu nguyện ban tối, xc. REY-MERMET, các tr. 173-183.

rằng khi ấy, An-phong đã gần 50 tuổi đời. Cho tới lúc đó, ngài mới chỉ xuất bản 5 tờ giấy gấp (bướm) và 3 tiểu phẩm, gồm tác phẩm trừ danh là *Viếng Thánh thể*. Hơn nữa, ngài buộc lòng phải viết chỉ vì không an tâm. Những cuốn sách ngài đã học dường như quá khe khắt, hay quá phóng túng, cho đoàn Dân Chúa mà ngài thường tiếp xúc rất thân cận.

Thuộc thành phần của tầng lớp thượng lưu suốt 26 năm, trong đó có 10 năm với giới luật sư để nhìn thấy những vụ làm ăn bí mật, bất chính của họ, An-phong rất tỏ tường về những cạm bẫy, sự hào sảng và các thói xấu của thế giới ấy. Sau đó, trong 5 năm trời (1727-1732), ngài là một cha giải tội rất được ngưỡng vọng tại Nêapôli, bị vây bọc bởi các dân vương giả, các kẻ trộm cướp, các đám người lang thang vô lại mọi nơi và mọi nghề. Sau cùng, ngài đã dâng hiến trái tim, năng lực và lỗ tai biết lắng nghe cho mọi người nghèo hèn tại thôn quê trong suốt 15 năm. Các câu “*tôi đã học hỏi được qua thực tế*” và “*kinh nghiệm minh chứng rằng*” thường xuyên tuôn ra từ ngòi viết của ngài.

Cũng như người lính nhảy dù không thể bay luôn tới các vì sao trên trời, nhưng sau cùng phải đáp xuống trên một khoảng đất, An-phong ý thức rằng không thể có kiến thức luân lý nào trừ khi ta biết hạ mình xuống từ những nguyên tắc cao siêu để giải đáp những vấn đề của cuộc sống trên thửa đất của cái ‘ở đây’ và ‘hiện tại’. Ngài đã viết rằng: “*Sự khó khăn lớn nhất trong loại kiến thức này là áp dụng những nguyên tắc cách chính xác, với một phương thức mới mẻ, vào những trường hợp đặc thù, tùy theo nhiều tình huống cấp bách, với những đáp án khác nhau*”.³ Duy nhất kinh nghiệm mới có thể chủ động làm được việc này mà không cao ngạo. Năm 1759, ngài đã viết trong phần dẫn nhập của cuốn *Người Tông đồ*, cuốn tóm lược của đại tác phẩm *Thần học Luân lý* rằng:

*Một đàn ông, được đào tạo nhờ sách của các nhà thần học mà tôi đã đọc với sự tự giải tỏa mình khỏi những xúc cảm; đàn ông khác, được soi sáng với 30 năm kinh nghiệm trong việc giải tội và sứ vụ thừa sai, tôi đã viết nên tác phẩm Thần học Luân lý của mình.*⁴

Trong tác phẩm trừ danh đó, ngài còn đi xa hơn, và nhận định rõ ràng những mức độ của kinh nghiệm: “*Tôi trình bày ra đây nhiều điều tôi đã thu thập được trong khi thi hành sứ vụ thừa sai và việc giải tội, hơn là khi đọc trong sách vở*”.⁵

³ Ghi chú từ Busembaum, I, các tr. 23, 56, Rome 1757.

⁴ *Người tông đồ*, tr. Iv.

⁵ GAUDÉ, I, tr. lvi.

CHƯƠNG 3

BỐN MƯƠI NĂM THÀNH HÌNH

Trong sứ vụ tông đồ lâu dài và rất phong phú, An-phong đã trải qua thời gian là mục tử, vị sáng lập Dòng, và tác giả viết sách. Mục đích của ba hoạt động này là “để đem Tin mừng cho người khó nghèo”. Điều kỳ thú là An-phong đã xuất bản được hơn 100 tác phẩm lớn và nhỏ, trong khi ngài không phải là một nhà văn chuyên nghiệp như một tiểu thuyết gia năng viết, người phải sáng tác đôi ba tác phẩm hàng năm.⁶ Phần lớn cuộc đời hoạt động của An-phong được ưu tiên cống hiến cho các công việc căng thẳng trong sứ vụ nơi thành thị. Nó cũng được dành cho các công tác tông đồ thừa sai, cho sự đa đoan của một bề trên cả hội dòng cũng như một vị giám mục.

Năng lực viết lách của ngài không thể diễn tả bằng mức độ 40 giờ làm việc một tuần nhưng là 80 giờ. Một ngày tiêu biểu và nặng nề của ngài bao gồm 1 giờ để ăn một bữa duy nhất và thư giãn, 5 giờ ngủ, 8 giờ cầu nguyện, và 10 giờ làm việc. Ít nữa là cho đến năm 1762, đa số các công việc này chính là sứ vụ có thể nghiền nát một người yếu đuối hơn ngài.

25 phần trăm các sách ngài viết liên hệ đến lãnh vực luân lý. Những sách khác thuộc về các phương diện minh giáo, tín lý, phụng vụ, sứ vụ tông đồ, và trên hết là tu đức.

Ngài đi vào ngành luân lý bằng cửa hậu. Kể từ năm 1746, khi được 50 tuổi, ngài khởi sự viết sách tín lý⁷ với tư cách là nhà luân lý. Lúc ấy ngài bắt đầu tìm hiểu sơ khởi về vấn đề ‘nguyên rủa người chết’, một vấn đề đã tạo nên nhiều xôn xao. Điều mâu thuẫn là, các thư liệu của ngài về việc này đã thất lạc; nhưng âm vang của việc ấy kéo dài cho đến năm 1772, và đã cung cấp cho chúng ta khá đủ dữ kiện để truy tìm sự việc.⁸

“NGUYỄN RỬA NGƯỜI CHẾT”

⁶ Tham khảo Maurice de MEULEMEESTER, *Thư mục trung ương các tác giả DCCT*, cuốn I: *Thư mục của Thánh An-phong Maria đệ Ligôria*, The Hague-Louvain, 1993.

⁷ R. COULON, “*Concina*” trong *DTC*, III, cột 705.

⁸ Tham khảo Andreas SAMPERS, “*Controversia quam S. Alphonus sustinuit ‘de maledictione mortuorum’*”, trong *SH* (1966):3-47. Coi thêm GAUDÉ, I, các tr.447-459; TANNIOIA, I, các tr. 158-186; Raymundo TELLERIA, *Thánh An-phong Maria đệ Ligôria*, cuốn I trong 2 cuốn, Madrid 1950, các tr. 405-409.

“*Án phạt cho tổ tiên ngươi! Tổ sư cha các người chết!*” Các dân quê ở Pouille và những vùng khác vẫn thường gào to những câu ‘ngọt xót’ này khi họ cãi cọ nhau, hay khi vô tình đóng lăm búa vào ngón tay. Việc này thường bị coi như một sự xúc phạm Thiên Chúa, một tội trọng. Các giám mục dành cho riêng mình quyền xá giải tội ấy.

Cuối năm 1744, khi ngài đến ở Deliceto, và đi phục vụ tại các vùng Foggia và Bari, An-phong liền phản đối sự nghiêm khắc trên. Việc các nhà lý thuyết trầm trọng hóa cách hành ngôn dân dã đó chỉ khiến gia tăng số tội đê nặng trên lương tâm vốn đã lằm lạc của những người bình dân. Những người này chẳng có ý gì xấu khi (quen miệng) chửi đổng thú vật, mưa gió, hạn hán, hay người quá vãng. Vì chuyện nhỏ nhặt đó mà họ không lãnh nhận các bí tích. Nhà thừa sai An-phong tin rằng những ngôn từ có vẻ dữ dằn ấy thật ra chỉ giúp họ giải tỏa sự bức bối đối với hoàn cảnh hay người khác. Nó không bày tỏ sự bất kính hay thù ghét các linh hồn trong luyện ngục hay các thánh trên trời. Kinh nghiệm mục vụ đã cho ngài bằng chứng về ý nghĩ đó.

Thật vậy, vì sứ vụ đặc biệt của việc đại phúc, các giám mục đã ban cho các cha giảng đại phúc năng quyền xá giải những loại tội dành riêng cho năng quyền giám mục. Nhiều người đã bị dứt phép thông công lợi dụng cơ hội của các kỳ đại phúc để được ơn hòa giải. An-phong thường hỏi họ rằng họ có thật sự nhắm đến các linh hồn người chết khi họ chửi thề không; và câu trả lời bao giờ cũng thành khẩn: “*Thưa cha! Không bao giờ! Chúa cấm chỉ mà!*” An-phong đã không an tâm cho đến khi ngài giải tòa được lương tâm cho những người quen chửi thề, và chấm dứt được thói xấu khiến họ bị kết án hỏa ngục. Vì thế, ngài đệ trình một giác thư đến các hội dòng thừa sai lớn của giáo phận tại thủ đô –*Hội Dòng Các Người Nói Tiếng*, mà ngài là thành viên; *Hội Dòng Cha Pavone*, có bạn của ngài là G. Iorio; và *Hội Dòng Thừa sai Thánh George*- cũng như *Dòng Lazarô* và *Hội Dòng Lao công Đạo đức*.⁹ Các hội dòng này đồng loạt trả lời rằng họ cũng đã nghĩ y như An-phong, hoặc đồng ý với những lý lẽ của ngài về việc trên. Vào tháng 9 năm 1746, ngài cho xuất bản tài liệu (mà nay đã thất lạc) *Lá Thư Bình Giải về Vấn đề Lạm Dụng việc Nguyên Rửa Người Quá Cố*. Chẳng bao lâu tài liệu ấy đã gặp gỡ được nhiều sự đồng cảm. Sau đó, trong vài giáo phận, tội nhẹ này -trước kia bị coi như trầm trọng hơn là thói quen- đã được loại khỏi danh mục các nổ đặc biệt dành cho quyền xá giải của giám mục. Điều này là một chiến thắng cao quý cho con người, một thắng lợi của kinh nghiệm mục vụ đối với những nguyên tắc cố hữu.

Qua chuyện trên đây, An-phong đã chứng tỏ năng lực của ngài. Một tác giả thần học uy thế dưới bí danh Cyriacus Chryseus đã mau chóng thách đố An-phong

⁹ Hội Dòng Lao công Đạo đức gắn bó chặt chẽ với An-phong. Chú của ngài là Giám mục Giacomo Cavalieri và cha linh hướng của ngài là Đức Giám mục tương lai Falcoia, đều là thành viên của Hội Dòng này. Tham khảo thêm bài viết trong *Tự điển Tu đức*.

qua một tiểu phẩm cấp tiến gồm 9 cột La ngữ mang tính châm biếm. Vì An-phong sống ở Deliceto, nằm nơi ven một cánh rừng cây sồi, Cyriacus viết cho ngài từ đỉnh cao kiến thức của ông rằng: “*Anh là ai mà trèo xuống cây để dạy người khác phải làm gì, như kiểu ông tiến sĩ luật pháp của Đức Chúa Trời?*”. Tác giả này còn đi xa hơn trong việc khi muốn đôn ngã An-phong bằng chính quan điểm đức tin và lý lẽ của ông rằng:

*Chẳng lẽ toàn thể giới thượng cổ bị lầm lạc sao?
Bằng ấy hội thánh đã sai lạc à? Bao nhiêu là triết gia, thần
học gia, giám mục không hiểu gì vấn đề này chẳng? Thế mà
chỉ mình anh ta cho rằng mình đắc thủ mọi khôn ngoan và
hiểu biết.*

Với phát biểu trên, cả khối nặng của các uy thế không thể phi bác đổ cả lên An-phong: Kinh thánh, tư tưởng của các vị như Tertulianô, thánh Atanasiô, thánh Augustinô, thánh Tôma, Cajetan, Duns Scott, các tác giả Dòng Đa-minh như Francesco Ghezzi, Plautus và Juvenal – tất cả pha trộn với các thuật ngữ Hy Lạp.

An-phong cảm thấy phải minh giải và phản biện. Ngài đã thực hiện việc ấy qua cuốn *Biện giải (Expiatio)* ngài cho xuất bản năm 1748, như phụ trương trong tác phẩm *Những Bình Giải Sách Busembaum* (cột 1029-1032). Ngài điềm tĩnh hoá giải điều chỉ trích cho rằng ngài đã không đón nhận quan điểm của Augustinô, Tôma Aquinô, Cajetan và Duns Scott. Ngài chỉ đơn thuần nói rằng các hiền sư vĩ đại này không hề bao giờ bàn bạc đến vấn đề riêng của xứ Apulle. Và rằng, ngài không chỉ tham khảo với Hội Dòng mà Cyriacus đã gọi là “Hội tầm phào của dân lang thang nhà quê” -nghĩa là Dòng Chúa Cứu Thế mà với cả 5 hội Dòng thừa sai chính tại Nêapôli, “5 bông hoa của hàng giáo sỹ Nêapôli”. Tất cả đều đồng ý với ngài.

*Có phải như thế mà tôi đáng lãnh nhận những tước
hiệu vinh hạnh như: thiếu hiểu biết, ngu si, thiếu khôn
ngoan, v.v., mà đối phương đã chụp cho tôi chẳng? Tôi xin
dành để vấn đề này cho các vị khôn ngoan phán đoán.*

Với sự dè dặt cố hữu, Sứ thần Toà thánh tại Nêapôli chuyển tiếp cả hai thư liệu trên (của Cyriacus và của An-phong) lên Đức giáo hoàng Bênêdictô XIV. Đức Thánh cha yêu cầu cha Tôma Sergiô của *Hội Dòng Lao Công Đạo đức* (cũng là Cố vấn Thánh bộ) tra xét. Cha Sergiô đã phán quyết phò lập trường của An-phong,

đồng thời đệ trình lên Đức Thánh cha. Sau khi chính mình duyệt xét lại phán quyết ấy, Đức Thánh cha đã biểu đồng tình.¹⁰

Kết luận, tư tưởng luân lý phải soi sáng cho cuộc sống hiện thực ‘*tại đây và hôm nay*’ (*hic et nunc*). An-phong khám phá ra rằng, sự chói loà xa vời của Kinh thánh và của những ngôi sao giáo phụ mà thôi thì chưa đủ.

TÁC PHẨM ‘NHỮNG BÌNH GIẢI SÁCH BUSEMBAUM’

Sự sống của một cái cây có thể phần nào được phân tích qua những điều kiện may mắn trong việc bắt rễ và tăng triển, cho dù hạt mầm được tuyển lựa và chăm sóc trong vườn nuôi, hay bị gió thổi rơi vào kẽ đá. Các tác phẩm văn chương cũng giống như con người: cách này cách khác, nó vẫn luôn bị ‘cầm tù’ trong thời thơ ấu. Tác phẩm *Thần học Luân lý* của vị sáng lập Dòng Chúa Cứu Thế phản ánh thật chính xác điều này.

Ngờ ngàng trước tình trạng khô khan tâm linh của những người nghèo vùng ngoại ô thành phố, An-phong đệ Ligôria đã sáng lập Dòng Chúa Cứu Thế của ngài năm 1732. Để giúp Hội Dòng tự do phát triển thời kỳ ban đầu, ngài cảm thấy cần có sự bảo trợ của hàng giám mục, nhưng không phải các giám mục địa phương. Vậy, từ năm 1730, ngài đặt mình dưới sự hướng dẫn của một người bạn là Tôma Falcoia, cựu bề trên tổng quyền của *Hội Dòng Lao Công Đạo đức* và giám mục giáo phận Castellammare di Stabia. Đồng thời, ngài cũng từ chối cư trú trong địa phận của Falcoia. Rất tiếc, Falcoia vẫn còn đầu óc bề trên cả, và muốn điều khiển mọi sự. Đặc biệt, vị này chống đối ao ước của An-phong về việc đón nhận thanh niên trẻ vào Hội Dòng: ông chỉ muốn tiếp nhận những linh mục vũng vàng về tài chánh. Vì chưa có sự châu phê của Tòa thánh, An-phong tạm chịu đựng những yêu sách độc đoán của vị giám mục mà ngài cần. Falcoia còn sống thêm 11 năm nữa. Sau cùng được thoát ách vào năm 1743, vị sáng lập liền mở cửa nhà Dòng đón tiếp các sinh viên tuổi 18, và tổ chức việc học hành, đào tạo cho họ tại Ciorani, rồi tại Deliceto (sau năm 1745). Vì tầm quan trọng ngài đặt cho việc ban phép giải tội (cách riêng trong các kỳ giảng đại phúc), vì sự khủng hoảng trong khoa thần học luân lý, và nhất là vì sự quan tâm sao cho các sinh viên -cũng như các linh hồn dưới sự chăm sóc của họ- tránh xa con đường bế tắc của chủ nghĩa hà khắc mà chính ngài đã bị ngộp thở trong mấy năm làm linh mục trẻ, ngài đã đích thân dạy dỗ họ những lớp thần học luân lý, khi ngài rảnh việc đại phúc.

Giáo trình của ngài có phần khiêm tốn. Năm 1756, trả lời một bài phê phán nặc danh, ngài viết:

¹⁰ *Người Tông đồ*, phần V, số 10.

Hiển nhiên, tôi không xuất bản cuốn ‘Thần học Luân lý’ của tôi để tạo tên tuổi, hoặc thu hút sự ca tụng cho mình. Nếu, một khi đã già từ thế gian, yên ẩn trong Nhà Dòng và khinh chê tội lỗi của tôi, tôi lại còn lãng phí nhiều năm trời trong tham vọng (vì tác phẩm này đòi hỏi tôi 10 năm trời trong sự trăn trở quá sức bải hoải), thì quả thật tôi quá điên rồ...Tôi chỉ có một mục đích duy nhất là làm vinh danh Thiên Chúa và giúp đỡ các tu sĩ trẻ trong Hội Dòng với công tác rao truyền Phúc âm cho dân nghèo ở thôn quê suốt 9 tháng mỗi năm. Đối với các cha thừa sai thường xuyên ngồi tòa giải tội, môn học quan yếu nhất chính là thần học luân lý. Tôi viết ra tác phẩm này để trình bày cách giản lược cho họ về những ý tưởng nền tảng...Hơn nữa, tôi đã không thể tìm ra một sách thần học luân lý nào tôi có thể đặt vào tay các tu sinh. Các sách giáo khoa luân lý hiện hành thì quả thật dài dòng hay cô đọng quá, hoặc quá hà khắc hay quá phóng túng.¹¹

Trong việc dạy học, trừ phi An-phong phải đọc bài giảng của chính mình -ngài không muốn ai dạy kiểu này- thông thường, ngài dựa vào một sách giáo khoa có uy tín. Đã từ lâu, ngài khạc nhổ ra hết những gì tác giả đại-xác-xuất thuyết Genet đổ vào cổ họng mình 20 năm trước, lúc ngài còn ở chủng viện. Thay vào đó, ngài đã chọn tác phẩm của một tác giả xác-xuất-thuyết mà ngài thấy gần gũi nhất với lý tưởng luân lý ngài hằng tìm kiếm. Đó là cuốn *Cốt lõi Thần học Luân lý (Medulla Theologiae Moralis)* của tu sĩ Dòng Tên người Đức Hermann Busembaum (1600-1668).¹² Sách gồm 655 trang khổ nhỏ, sáng suốt, mạch lạc, tương đối ngắn nhưng xúc tích, mang một nội dung tốt lành và quân bình.

Ấn hành tại Munster năm 1650, sách ấy trở thành giáo khoa được ưa chuộng nhất tại các đại học và chủng viện, nên đã đứng vững được trước những trào lưu của thuyết hà khắc trong hạ bán thế kỷ 17. Giữa những năm 1650 và 1770, sách ấy được tái bản hơn 200 lần. Tư tưởng của Busembaum đã trở nên giáo huấn thế giá, được đón nhận nồng nhiệt bởi trường phái xác-xuất-cách. Và, mặc dù trường phái này đã trở nên ít phổ cập nơi hàng giáo sĩ, An-phong vẫn cảm thấy thoải mái với nó hơn. Nhẹ nhàng nhưng dứt khoát, ngài đã tiếp nhận truyền thống cự trào của các bậc thầy lớn trong việc bình giải tác phẩm. Ngài quảng diễn và cải biên tác

¹¹ *Trả lời một người ẩn danh* (phần đầu), 1756.

¹² Tên thật của ông là Buserbaum, nhưng trong La ngữ và trong các ngôn ngữ thuộc Rôma việc phát âm phụ âm n và b phức tạp. Vì thế, hầu hết trong các tác phẩm bằng La ngữ, tên của ông được in là Busembaum. Xc. SOMMERVOGEL, *Thư viện Dòng Tên*. Thánh An-phong thường Ý hóa tên này là *Busembao*. Chúng ta viết là Busembaum.

phẩm của Busembaum, ghi thêm chú thích với các chi tiết có khi dài gấp ba nguyên tác. Tin rằng công trình đó có thể hữu ích cho các đồng nghiệp và tu sinh của mình, ngài đã cho ấn hành tác phẩm với sự tài trợ rộng rãi của một người bạn là Giovanni Olivieri.

Ngày 20-9-1748, An-phong viết một lá thư cho Viện phụ đan viện Thánh Basiliô ở Rôma là Giuseppe Muscari với lời như sau:

Sách của tôi chưa xuất bản...Tôi nghĩ rằng nó sẽ hữu dụng. Trong khuôn khổ rất giới hạn, sách đó bàn về những vấn nạn cốt lõi của thần học luân lý, nhất là những vấn đề liên quan đến thực hành...

Sách đó đòi tôi cái giá là hằng mấy năm trời trần trở, nhất là trọn vẹn 5 năm sau cùng này (1744-1748), với tám, chín, hoặc mười tiếng lao tâm mỗi ngày. Nghĩ đến công việc ấy làm tôi mệt mỏi.¹³

Những chữ “nhất là trọn vẹn 5 năm sau cùng này” hàm ý rằng, trước năm 1743, vài phần trong tác phẩm đã được phác thảo. Ở Rôma, ta có bản chụp lần xuất bản thứ 9 tác phẩm *Cốt lõi Thần học Luân Lý* của Busembaum, in vào năm 1733, tại Padua; trong ấy có những ghi chú bình phẩm của chính An-phong. Đó cũng là năm thứ nhất của Hội Dòng của ngài. Noi gương giới học viện Nêapôli trong việc tiếp tục đào tạo với chất lượng cao, các thừa sai có 3 cuộc hội học hằng tuần: một kỳ dành cho sứ mạng mục vụ của việc thừa sai; một kỳ dành cho một vấn đề tín lý; và một kỳ dành cho những nố luân lý. Các đề tài thường được thông tri trước hầu mọi tham dự viên có thể nghiên cứu, học tập sẵn, và được chuẩn bị chu đáo khi đến khóa. Tannoia viết về sinh hoạt này rằng:

Năm 1748, qua sự tha thiết yêu cầu của các đồng nghiệp, An-phong thực hiện tập ghi chú rất phong phú về sách của Busembaum (sic), và gửi một bản sao công trình này đến Đức Tổng giám mục địa phận Conza là Giuseppe Nicolai. Học liệu ấy bao gồm mọi nố luân lý được giải quyết trong các kỳ đại phúc. Các con cái thiêng liêng của ngài đã thúc bách ngài cho xuất bản công trình đó để họ có thể lưu giữ.¹⁴

Vì vậy, tác phẩm có hai mục đích: giải quyết cụ thể các nố lương tâm mà các cha thừa sai gặp phải nơi dân nghèo thôn quê; và đào tạo các tu sĩ trẻ cho việc mục

¹³ Lá thư in trong báo *S. Alfonso*, 12 (1941);198-200, Pagani.

¹⁴ A. TANNIOIA, I, tr. 245.

vụ này. Giai đoạn đầu của tác phẩm là nghiên cứu về những trường hợp luân lý ghi nhận được từ năm này qua năm khác trong việc mục vụ. Giai đoạn kế tiếp là 5 năm (1744-1748) chuyên cần chú giải toàn bộ cuốn giáo khoa tương lai cho sinh viên. An-phong dùng một bản *Cốt lõi Thần học Luân lý* (của năm 1737), mà nay còn lưu giữ tại Catanzaro, để làm khung sườn cho tác phẩm *Những Ghi Chú từ Sách Busembaum* của mình.¹⁵

Tác phẩm trên của An-phong không phải là sách chú giải đầu tiên về tác giả Busembaum. Claude Lacroix (1652-1712) cũng đã công hiến một bộ 8 cuốn sách chú giải tác phẩm ấy. Bộ sách này đã được ấn hành khoảng giữa năm 1704-1714, và được coi là một trong những công trình thần học luân lý vĩ đại nhất của thế kỷ 18. Khoảng 140 năm sau, một bộ chú giải khác gồm 7 cuốn của một cha Dòng Tên là Antoniô Ballerini (1805-1881) cũng được xuất bản sau khi ông qua đời (1889-1893). Ballerini là người đã thề làm đối thủ của Thánh An-phong, và đã chỉ thất bại hoàn toàn khi An-phong được tuyên phong Tiến sĩ Hội thánh. Tác phẩm của ông được hoàn tất và xuất bản bởi linh mục Domenico Palmieri. Chỉ một trong hai giáo sư này cũng đủ làm cho tư tưởng của Busembaum nổi tiếng. Và đương nhiên, bởi yếu tố đó mà họ đã chấp nhận việc An-phong lựa chọn sách giáo khoa của Busembaum làm nền tảng. Nhưng, giữa hai thời đại của các giáo sư đó, chính An-phong mới là người đem lại vinh dự lớn nhất cho tác phẩm và tên tuổi của vị giáo sư Dòng Tên người Đức Busembaum.

Tác phẩm của An-phong được in cuối năm 1748, dĩ nhiên bằng La ngữ, với tựa đề ở bìa ngoài là: *Những Ghi chú của Linh mục Tiến sĩ An-phong trong sách của Busembaum (R.P.D. Alphonsi de Ligorio adnotationes in Busembaum)*; và ở trang đầu sách là: *Cốt lõi Thần học Luân lý của Linh mục Hemann Busembaum, s.j., với Những Ghi chú bởi Linh mục Tiến sĩ An-phong đệ Ligôria, Bề trên Cả Dòng Đáng Cứu Chuộc Rất Thánh...dành cho các tu sĩ trẻ của Hội Dòng...do Ông Gioan Olivieri tài trợ (Medulla Theologiae Moralis R.P. Hermanni Busenbaum, s.j., cum adnotationibus per R.P.D. Alphonsum de Ligorio, Rectorem majorem Congregationis SS. Salvatoris...ad usum juvenum praefatae Congregationis...Expensis D. Joannis Olivieri).*¹⁶

Tựa đề càng dài (ý chỉ) sự khiêm tốn và tính minh sáng của tác phẩm càng cao. Lời phi lộ sau đây nhấn mạnh hai đặc điểm đó:

¹⁵ Về việc An-phong chọn Busembaum, và để biết bài phân tích chi tiết của ngài, xc. F. FERRERO, trong *SH* 23 (1975): 293-365 và tác phẩm giáo khoa của Marciano VIDAL, các tr. 46-54.

¹⁶ Joannis Olivieri được An-phong hoá cải và giữ vai trò quan trọng trong đời ngài.

Từ vài năm qua, tôi tìm kiếm một cuốn sách có thể đáp ứng nhu cầu đào tạo các tu sinh của Dòng chúng tôi một cách giản lược và có phương pháp nhất về thần học luân lý, một bộ môn phức tạp, thiết yếu cho việc cứu rỗi các linh hồn. Tôi đã đọc đi đọc lại, và đã tra cứu nhiều tác giả; nhưng tôi thấy có những sách thì quá chi li, có những sách thì quá giản lược. Trong tất cả các sách ấy, tôi đã chọn tác giả Busembaum. Tác giả này trình bày nội dung cốt lõi cách hệ thống, chính xác, và đầy đủ. Nhưng tôi cảm thấy có bốn phần phải khai triển một vài điểm và hoàn chỉnh một vài điểm khác, với uy thế của những bậc thầy nổi tiếng như Thánh Tôma Aquinô, Lessiô, Sanchez, Castrô Palao, Lugô, Layman, Bonacina, Viva, Lacroix, Roncaglia, v.v., và trên hết là những tiến sĩ Salamanca... Bạn sẽ thấy tóm lược trong sách này hầu như mọi vấn đề họ đã luận giải sâu rộng, nhất là những vấn đề thực tiễn.

Vậy ta sẽ không tìm thấy trong tác phẩm trên đây một hệ thống lý thuyết về luân lý. An-phong tập chú vào việc giải quyết những nỗi lương tâm. Ngài thực hiện điều đó dưới sự hướng dẫn của những nguyên tắc hiển nhiên tự tại được minh định qua sự khôn ngoan của đức tin Kitô giáo, và với nguồn kinh nghiệm phong phú. Thời gian đó, ngài đã 52 tuổi.

(Còn tiếp)